TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HS-ST
Ngày 17-01-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

-*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Bùi Thị Minh Thảo**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Lê Hoàng Quy**

Ông Phạm Đức Nhân

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Linh Thu Hồng**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Ông **Lương Duy Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 194/2019/HSST ngày 26 tháng 12 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03A/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Lê Minh T;** Tên gọi khác: N; sinh năm 1992 tại Đồng Nai; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 6, xã T, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: Không ổn định; Trình độ học vấn: Lớp 02/12. Nghề nghiệp: Không; Con ông Lê Viết N, sinh năm 1974 và bà Mai Thị H, sinh năm 1975; Vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1989; Có 01 con sinh năm 2012;

- Tiền án: Không;

- Tiền sự: Ngày 13/3/2018 bị Tòa án nhân dân huyện L áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 20 tháng đến ngày 22/4/2019 được miễn chấp hành thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại (Theo quyết định số 261/QĐ-TA ngày 22/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai);

- Nhân thân:

+ Ngày 15/9/2008 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai đưa vào trường Giáo dưỡng thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 28/7/2010. Ngày 15/10/2013 bị chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh tại Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội tỉnh Đồng Nai.

+ Ngày 07/9/2016 bị Tòa án nhân dân huyện L áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng;

Bị bắt tạm giam ngày 26/9/2019 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Long Thành. (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*)

***- Bị hại*:**

1. Ông Mai Văn Q, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

2. Ông Dư Văn Q, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

3. Ông Trần Văn L, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp 2, xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

1. Ông Dương Thanh B, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp X, xã L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

2. Bà Lê Thị Ánh M, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp 2, xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

3. Ông Mai Phi H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp 2, xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Minh T là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định. Để có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng, T đã 04 lần trộm cắp tài sản cụ thể như sau:

Lần thứ 01: Lúc 15 giờ ngày 15/7/2019 T đến nhà của ông Mai Văn Q thuộc Ấp 4, xã T, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, nhìn thấy ở hiên phía trước nhà của ông Q có 01 xe mô tô biển số 60H4-22XX (có cắm chìa khóa trên xe) không có người trông coi nên T lén lút chiếm đoạt rồi điều khiển xe đem đến thị trấn L, huyện Long Thành gặp một người đàn ông tên N (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) rủ N đi đánh bạc, N đồng ý. T điều khiển xe trộm cắp được chở N đi đến huyện N, tỉnh Đồng Nai đánh bạc và bị thua hết tiền nên T thế chấp chiếc xe trộm cắp được cho một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) được số tiền 4.600.000 đồng tiêu xài cá nhân hết. Sau khi bị mất xe mô tô anh Q xem lại camera quan sát thì phát hiện T là người trộm cắp nên trình báo cơ quan Công an xã T lập hồ sơ chuyển Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành điều tra.

Lần thứ 02: Vào lúc 09 giờ ngày 21/9/2019 Lê Minh T đi xe đạp đến cửa hàng "Nhôm Kính" của ông Dư Văn Q ở ấp 6, xã T, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, nhìn thấy xe mô tô biển số 36L6-36XX của ông Q dựng trước cửa hàng không người trông giữ nên T bỏ lại xe đạp tại hiện trường rồi lén lút chiếm đoạt xe mô tô

biển số 36L6-36XX của anh Q đem bán cho Dương Thanh B lấy số tiền 1.300.000 đồng tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng.

Lần thứ 3: Vào lúc 15 giờ ngày 24/9/2019 Lê Minh T đi đến nhà của Mai Phi H ở Ấp 2, xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai rủ H đi trộm cắp sắt của ông Trần Văn L bán lấy tiền mua ma túy sử dụng, H đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số 60AM-071.XX chở Tđến Ấp 1, xã B, huyện Long Thành (nơi ông Trần Văn L đang tập kết vật liệu để làm chuồng nuôi heo) trộm cắp 06 tấm sắt đem bán cho bà Lê Thị Ánh M, quá trình vận chuyển các tấm sắt đi bán thì T và H gặp B (không rõ nhân thân, lai lịch) nên rủ B cùng trộm cắp B đồng ý và tất cả lấy thêm được 03 tấm đem bán cho bà Lê Thị Ánh Minh được số tiền 612.000 đồng cùng chia nhau tiêu xài cá nhân.

Lần thứ 04: Lúc 08 giờ 30 phút ngày 25/9/2019 Lê Minh T cùng Mai Phi H tiếp tục trộm cắp 01 tấm vỉ lồng sắt của ông Trần Văn L thì bị người dân phát hiện bắt giữ giao Công an xã B

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 88/KLĐG ngày 01/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Long Thành kết luận: Xe mô tô biển số 36L6-36XX có giá trị 6.500.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 86/KLĐG ngày 01/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Long Thành kết luận: Xe mô tô biển số 60H4-22XX có giá trị 8.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 104/KLĐG ngày 11/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Long Thành kết luận: 01 vỉ kèo sắt hình tam giác có kích thước 05m x 01m bằng sắt hộp chữ nhật kích thước 04cm x 10cm có giá trị 150.000 đồng; 09 vỉ lồng nuôi heo bằng thép phi 27 mạ kẽm kích thước 02m15 x 80cm có giá trị 775.000 đồng/1 cái x 09 = 697.500 đồng. Tổng cộng là 847.500 đồng.

Vật chứng vụ án: Về vật chứng và tài sản tạm giữ gồm: 01 xe mô tô biển số 36L6-36XX; 01 xe mô tô biển số 60AM-071.XX; 01 xe đạp; 01 vỉ kèo sắt hình tam giác có kích thước 05m x 01m bằng sắt hộp chữ nhật kích thước 04cm x 10cm; 09 vỉ dạng khung bằng thép phi 27 mạ kẽm kích thước 02m15 x 80cm; 01 biển số xe ghi 59F1-387.XX và 01 biển số xe ghi 35B1-169.XX. Đối với xe mô tô biển số 60H4-22XX không thu hồi được.

Tại bản Cáo trạng số 12/CT-VKSLT ngày 25 tháng 12 năm 2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo Lê Minh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành giữ nguyên quyết định truy tố theo bản cáo trạng và đề nghị: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51

Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự tuyên phạt: Bị cáo Lê Minh Ttừ 16 (mười sáu) đến 18 (mười tám) tháng tù.

Đối với Mai Phi H có hành vi trộm cắp sắt với Lê Minh T nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra chuyển xử lý hành chính.

Đối với Dương Thanh Bình có hành vi mua xe mô tô biển số 36L6- 3650 và Lê Thị Ánh Minh có hành vi mua 09 vỉ sắt do Tuấn trộm cắp mà có, nhưng khi mua ông Bình và bà Minh không biết tài sản do Tuấn trộm cắp nên không phạm tội.

Riêng người đàn ông tên B (không rõ nhân thân, lai lịch) có hành vi trộm cắp với Lê Minh T Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành tiếp tục xác minh điều tra xử lý sau.

Lời nói sau cùng của bị cáo tại phiên tòa: Bị cáo nhận thức được hành vi của các bị cáo là sai, kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Lê Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tang vật của vụ án đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Lê Minh T là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định. Để có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng, T đã 04 lần trộm cắp tài sản cụ thể như sau:

Lần thứ 01: Lúc 15 giờ ngày 15/7/2019 tại nhà của ông Mai Văn Q ở Ấp 4, xã T, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Lê Minh T có hành vi lén lút chiếm đoạt có 01 xe mô tô biển số 60H4-22XX của ông Q có giá trị 8.000.000 đồng.

Lần thứ 02: Vào lúc 09 giờ ngày 21/9/2019 tại nhà của ông Dư Văn Q ở Ấp 6, xã T, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai Lê Minh T có hành vi lén lút chiếm đoạt có 01 xe mô tô biển số 36L6-36XX của ông Q có giá trị 6.500.000 đồng.

Lần thứ 03: Vào lúc 15 giờ ngày 24/9/2019, tại Ấp 1 xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai Lê Minh T cùng với Mai Phi H và 01 người tên B (chưa rõ nhân thân, lai lịch) có hành vi lén lút chiếm đoạt 09 tấm sắt của ông Trần Văn L có giá trị 697.500 đồng.

Lần thứ 04: Vào lúc 08 giờ ngày 25/9/2019, tại Ấp 1 xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai Lê Minh T cùng với Mai Phi H có hành vi lén lút chiếm đoạt của ông Trần Văn L 01 tấm sắt có giá trị 150.000 đồng.

Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lê Minh T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp, trong đó có 02 lần giá trị tài sản bị chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng, nên áp dụng tình tiết quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại phiên tòa bị hại ông Mai Văn Q có xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên xem xét khi quyết định hình phạt.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an toàn trật tự tại địa phương. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt tù nghiêm nhằm răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Đối với Mai Phi H có hành vi trộm cắp sắt với Lê Minh T nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra ra quyết định xử phạt hành chính là phù hợp. Đối với Dương Thanh B có hành vi mua xe mô tô biển số 36L6-36XX và Lê Thị Ánh M có hành vi mua 09 vỉ sắt do T trộm cắp mà có, nhưng khi mua ông B và bà M không biết tài sản do T trộm cắp mà có nên cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Long Thành không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp. Đối với người đàn ông tên B (không rõ nhân thân, lai lịch) có hành vi trộm cắp với Lê Minh T, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành tiếp tục xác minh điều tra xử lý sau.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Ông Dư Văn Q và ông Trần Văn L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên không xem xét. Tại phiên tòa ông Mai Văn Q yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe mô tô biển số 60H4-22XX không thu hồi được với số tiền 10.000.000 đồng, bị cáo đồng ý nên ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lê Minh T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt: Bị cáo Lê Minh T **01 (một) năm** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Lê Minh T bồi thường cho ông Mai Văn Q số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của ông Mai Văn Q thì bị cáo Lê Minh T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Minh T phải nộp 200.000 (*Hai trăm ngàn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 (*Năm trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo và bị hại ông Mai Văn Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại ông Dư Văn Q, ông Trần Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Phi H, ông Dương Thanh B, bà Lê Thị Ánh M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Minh Thảo

Nơi nhận:
- TAND. T.Đồng Nai;
- VKSND T.Đồng Nai;
- Sở Tư pháp T.Đồng Nai;
- Công an H.Long Thành;
- VKSND H.Long Thành;
- Chi cục THADS H.Long Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ thi hành án;
- Lưu AV, HS;